

LỊCH SỬ TỰ CƯ CỦA NGƯỜI HOA Ở THƯƠNG CẢNG ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THU TRANG

Tóm tắt: Người Hoa đã có mặt ở nhiều nơi trên thế giới, thông qua các làn sóng di cư tị nạn chính trị, phát triển thương mại và trốn tránh bệnh dịch. Cảng Tourane Việt Nam (cách gọi khác của thành phố Đà Nẵng do người Pháp đặt tên vào đầu thế kỷ XX) đã mang dấu ấn của người Hoa từ rất sớm. Sự hấp dẫn về vị trí giao thương, chính sách thuận lợi của triều đình nhà Nguyễn đã dần hình thành một cộng đồng người Hoa ở Đà Nẵng song song phát triển với người Hoa ở Hội An. Nghiên cứu này tiến hành khảo cứu lịch sử tự cư của người Hoa tại Đà Nẵng, nhằm góp phần làm sáng tỏ quá trình hình thành một tộc người có văn hóa đặc thù ở vùng Nam Trung bộ. Phương pháp nghiên cứu “lịch sử cuộc đời” trong nhân học văn hóa, phân tích tổng hợp tài liệu thứ cấp được sử dụng trong quá trình thực hiện nghiên cứu cho thấy cộng đồng người Hoa sinh sống ở Đà Nẵng ra đời muộn hơn ở Hội An nhưng ngày càng phát triển. Hoạt động kinh tế chính của họ là kinh doanh buôn bán, đã có những đóng góp nhất định vào sự phát triển của thành phố trong thời điểm hiện nay.

Từ khóa: người Hoa, cảng Đà Nẵng, văn hóa người Hoa, văn hóa gia đình

HISTORY OF THE CHINESE HABITANTS IN DA NANG TRADING PORT

Abstract: The Chinese have been present in many parts of the world, through political refugee migration, commercial development, and disease evasion. Vietnam Tourane Port (another name for Da Nang city by the French in the early twentieth century) has been imprinted with the Chinese from very early on. The attractiveness of the trading location and favorable policies of the Nguyen court has developed into a Chinese community in Da Nang, parallel to the development of the Chinese in Hội An. This study is being conducted to survey the history of the convergence of the Chinese population in Da Nang, in order to contribute to clarifying the process of forming an ethnic group with a specific culture in the South Central region. The research method "life history" in cultural anthropology, meta-analysis of secondary documents used in the research process shows that the Chinese community living in Da Nang was more established than in Hoi An, but growing. Their main economic activity is trading, which has made certain contribution to the development of the city in the present time.

Keywords: Chinese people, Da Nang port, Chinese culture, family culture

1. Đặt vấn đề

Dưới thời vua Minh Mạng (năm 1835), cửa Hàn đã thay thế cho sự thịnh vượng của Hội

An ở khu vực miền Trung. Do thấy được tầm quan trọng trong giao thương của cửa Hàn, cùng với chính sách hỗ trợ từ phía nhà

Nguyễn, cộng đồng người Hoa đã tập trung tại đây để buôn bán và phát triển ngày càng thịnh vượng. Cũng trong giai đoạn này, con sông Cổ Cò, con đường thủy nối liền cửa Hàn và Hội An đã bị vùi lấp, do đó hoạt động thương mại trên sông giữa hai vùng giáp ranh ngày càng hạn chế. Hội An đã chính thức nhường vị trí trung tâm thương mại trên biển cho cửa Hàn và hấp dẫn người Hoa (những con người yêu thích hoạt động kinh doanh thương mại) tập trung thành cộng đồng ngày càng lớn mạnh tại đây.

Sau sự kiện chính trị biên giới Việt - Trung năm 1978 - 1979, người Hoa tiến hành nhiều cuộc di cư lớn nhỏ đến các quốc gia khác. Có một bộ phận không nhỏ đi vào Chợ Lớn - Sài Gòn, Cù Lao Phố - Đồng Nai để gia nhập vào cộng đồng lớn hơn của người Hoa. Tuy nhiên, những người ở lại Đà Nẵng đã chọn con đường ổn định đời sống, tập trung phát triển thương mại, dịch vụ nhỏ lẻ.

Ngày nay, thương cảng Tourane đã trở thành tuyến cuối của Hành lang kinh tế Đông Tây, nối liền 4 nước Myanmar, Thái Lan, Lào và Việt Nam; là cửa ngõ chính hướng ra biển Đông cho hàng hóa quá cảnh của các nước trên và điểm đầu tiên tiếp nhận hàng hóa tàu thuyền của các nước trên thế giới.

Người Hoa lựa chọn Đà Nẵng là khu vực sinh sống, kinh doanh bởi những lợi thế đặc biệt thuận lợi về vị trí địa lý. Đây cũng là khu vực có nền văn hóa “mở”, dễ dàng tiếp thu và dung hòa nhiều văn hóa khác nhau. Ngày nay chính sách phát triển cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Đà Nẵng khá hấp dẫn các nhà đầu tư. Các hoạt

động thương mại, kinh doanh gắn với phát triển du lịch, dịch vụ lại vốn là thế mạnh của người Hoa. Do đó, sau nhiều năm, sự lớn mạnh về kinh tế của người Hoa ở Đà Nẵng đang vươn lên để chiếm vị trí thay cho cảng Hội An ở miền Trung.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiếp cận ở góc độ lịch sử tộc người nhằm thu thập, phân tích, khảo cứu gốc tích của người Hoa khi đặt chân đến cảng Đà Nẵng. Cách tiếp cận này giúp cho tác giả có thể tìm đến những dấu tích xưa của người Hoa khi họ sinh sống, hoạt động trên địa bàn Đà Nẵng ngày nay và lý giải những vấn đề về nguồn gốc tộc người trong văn hóa người Hoa hiện nay.

Kết quả của nghiên cứu này dựa vào những dữ liệu lịch sử quan trọng về quá trình tụ cư của người Hoa ở cửa Hàn bao gồm: *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (1977); *Xứ Đông Dương* (Lư Đình Tuân, 1918); *Quốc triều chính biên toát yếu* (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 1923); *Nội các triều Nguyễn* (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ...* Hiện nay nghiên cứu chuyên khảo về người Hoa ở thành phố Đà Nẵng không nhiều, trong đó chủ yếu là các nghiên cứu lịch sử về vùng đất Đà Nẵng. Một số công trình tiêu biểu kể đến bao gồm: *Văn hóa gia đình người Hoa ở thành phố Đà Nẵng* (Luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Thu Trang, 2013), *Lịch sử Đà Nẵng* (Nguyễn Minh Hùng, 2008), *Nguyễn Văn Xuân toàn tập* (2020), *Lịch sử Đà Nẵng 1858 – 1945* (Ngô Văn Minh)...

Sử dụng phương pháp nghiên cứu dân tộc học, bao gồm quan sát tham dự và quan sát không tham dự. Lịch sử tộc người Hoa định cư

tại đây được hiện diện thông qua lời kể của một số gia đình người Hoa sinh sống lâu đời tại Đà Nẵng. Việc thu thập các câu chuyện về cuộc sống của con người hiện tại giúp lý giải những vấn đề chưa được làm rõ trong quá khứ.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Ngay từ những năm đầu của thế kỷ XX, nhiều nhà nghiên cứu đã có những quan sát, ghi chép về người Hoa tại Việt Nam. *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ* của Đào Trinh Nhất trong *Bút ký Trung Hoa* được coi là một trong những nghiên cứu đầu tiên. Tác giả đã lý giải nguồn gốc tên gọi của những người Trung Hoa sinh sống trên đất Việt Nam, quá trình di cư và các chính sách của chính quyền lúc bấy giờ đối với “thế lực khách trú” này.

Trong thời kỳ Chính quyền miền Nam Cộng hòa tại vị, nhiều tác giả nước ngoài cũng nhận thấy vai trò quan trọng của người Hoa tại đây. Họ nghiên cứu và tìm hiểu *Chính sách đối với dân Trung Hoa di cư của các triều đại Việt Nam* (Fujiwara Ruchiro), *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam* (Tsai Mau Kuay, xuất bản tại Pháp), đưa ra *Máy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An* (Chen Ching Ho) để giúp công chúng có cái nhìn rõ ràng hơn nữa về khu vực dân tộc kinh doanh thịnh vượng vào diện bậc nhất khi Việt Nam đang là thuộc địa. Với quan điểm khách quan của “kẻ ngoài cuộc”, các tác giả nước ngoài không bị quy định bởi cái nhìn của người bị mất nước hay kẻ xâm lược. Họ nghiên cứu khách quan nhất quá trình di cư cụ thể của người Hoa từ thời Lý - Trần, đến thời Hậu Lê, dưới thời chúa Trịnh, chúa Nguyễn,

thời kỳ Pháp thuộc. Những tác giả này cũng tìm hiểu về các tên gọi khác nhau của người Hoa tại nước bản địa. Minh Hương xã là trung tâm văn hóa chính trị của người Hoa tại Hội An (một nơi giao thương sầm uất nhất, nhì thời bấy giờ) cũng được tác giả Chen Ching Ho tìm hiểu. Tiếc thay những ấn phẩm quý giá này còn lại rất ít, gây khó khăn trong việc tiếp cận. Chúng tôi chỉ có thể đọc được qua những trích dẫn của các nhà nghiên cứu sau này.

Trong những thập niên 90, nhiều nhà nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề người Hoa tại Việt Nam đã liên tục đưa ra các công trình quý giá của mình. Đầu tiên phải kể đến Châu Thị Hải với *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*, Mạc Đường với *Xã hội người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh sau năm 1975 – tiềm năng và sự phát triển*, Người Hoa ở đồng bằng sông Cửu Long trong *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu long*, Nguyễn Văn Huy với *Người Hoa tại Việt Nam*. Đặc biệt, Trần Khánh là người đầu tiên đã đưa vấn đề người Hoa vào Luận án Phó Tiến sĩ Sứ học của mình: *Những khuynh hướng cơ bản phát triển kinh tế, xã hội và chính trị tộc người cộng đồng người Hoa ở Việt Nam* (từ nửa sau thế kỷ XIX đến 1945 ở miền Bắc và đến 1975 ở miền Nam). Sau này tác giả đã hoàn thiện và cho ra đời cuốn sách *Người Hoa trong xã hội Việt Nam* (thời Pháp thuộc và dưới chế độ Sài Gòn). Đây là công trình đầy đủ nhất cho đến nay nghiên cứu về vấn đề kinh tế, chính trị của dân tộc này. Công trình khoan vùng thời gian và không gian cụ thể để chú trọng vào bề nổi kinh tế, chính trị tại những thời điểm nhất định.

Nhìn một cách tổng quát, việc nghiên cứu lịch sử tỵ cư của người Hoa sinh sống trên địa bàn Đà Nẵng hiện nay còn rất ít người quan tâm. Các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung ở miền Nam, nơi nhóm cư dân này sinh sống đông đảo. Bên cạnh đó, Đà Nẵng vừa mới trở thành đơn vị hành chính độc lập được 13 năm, các công trình nghiên cứu về lịch sử hình thành cùng với sự đóng góp của từng thành phần dân tộc là rất hiếm hoi. Cuốn sách *Lịch sử Đà Nẵng (1858 - 1945)* của Ngô Văn Minh cho đến nay được coi là cuốn sách đầy đủ nhất về Đà Nẵng giai đoạn 1858 - 1945.

Tuy nhiên, cộng đồng người Hoa ở Đà Nẵng không tách rời cộng đồng người Hoa sống tại Việt Nam. Những nét tương đồng về văn hóa, kinh tế, quan điểm chính trị được thể hiện trong đời sống riêng của mỗi gia đình. Cho dù sống ở đâu, làm ngành nghề gì, người Hoa vẫn không hề bị lẫn với các dân tộc khác. Trong một thời gian dài, khi nói đến người Hoa khu vực Trung bộ, các nhà nghiên cứu thường quan tâm nhiều đến người Hoa sinh sống tại Hội An. Cộng đồng người Hoa ở Đà Nẵng dường như rất ít được nhắc đến để tìm hiểu. Văn hóa cũng như đặc điểm phát triển của hai nhóm Hoa này là khác biệt. Lịch sử tỵ cư của họ là chìa khóa để lý giải rất nhiều vấn đề cần nghiên cứu sau này. Do đó, việc khảo cứu lịch sử tỵ cư của dân tộc Hoa tại Đà Nẵng là cần thiết và có ý nghĩa trong nghiên cứu.

3.2. Lịch sử tỵ cư và dấu ấn của người Hoa tại cảng Tourane

Sự xuất hiện của người Hoa ở Đà Nẵng có lịch sử gắn liền với những đợt di cư của người

Trung Quốc đến các vùng đất của Việt Nam. Là hai đất nước tiếp giáp “núi liền núi, sông liền sông”, đất đai phì nhiêu, sản vật giàu có, Việt Nam từ ngàn đời nay luôn thu hút sự chú ý của người phương Bắc.

Trần Khánh (2002) cho rằng, làn sóng di trú của người Hán xuống vùng đất phương Nam, trong đó có Việt Nam, gắn liền với cuộc chiến tranh xâm lược, mở rộng lãnh thổ của đế chế phong kiến Trung Hoa bắt đầu từ nhà Tần (vào cuối thế kỷ thứ III trước Công Nguyên). Từ đó cho đến tận thế kỷ thứ X, miền Bắc Việt Nam ngày nay trở thành một trong những nơi dừng chân trú ngụ của dân tị nạn, những người di cư tự do và lính đồn trú Trung Hoa từ phương Bắc xuống.

Tiếp theo thời kỳ đó đã có rất nhiều cuộc di cư của người Trung Hoa xuống vùng đất phía Nam. Các nguồn thư tịch cổ Việt Nam ghi lại rằng thời kỳ quân Nguyên Mông tiến đánh Nam Tống (giữa thế kỷ XIII) và thiết lập ách cai trị Trung Quốc (1279 – 1368) có hàng chục vạn người Hán phải lánh nạn ra nước ngoài. Những người tị nạn này được vua chúa thời Trần cho định cư tại kinh thành Thăng Long, hợp thành một bộ phận dân cư Kinh kỳ. Tuy nhiên, những cuộc di cư của người Trung Quốc đến Việt Nam không chỉ dừng lại ở Kinh thành Thăng Long. Một làn sóng di cư lớn đã diễn ra khi triều đình nhà Minh bị nhà Thanh lật đổ vào năm 1644 (Trần Khánh, 2002).

Sách Đại Nam thực lục (Tiền biên) chép:

Kỷ Mùi (1679), mùa xuân tháng Giêng, tướng cũ nhà Minh là Long Môn tổng binh Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tiến

cùng Cao Lô Liêm tổng binh Trần Thượng Xuyên và phó tướng Trần An Bình, đem hơn 3000 quân và hơn 50 chiến thuyền đến các cửa biển Tư Dung (cửa Tư Hiền) và Đà Nẵng, tự trần là bỏ thân (bề tôi mất nước, trốn ra nước ngoài) nhà Minh, không chịu làm tôi tớ nhà Thanh, nên đến xin để làm tôi tớ.

Bấy giờ bàn bạc rằng phong tục, tiếng nói của họ đều khác nhau, khó bề sai đúng, nhưng họ bị thế cùng bức bách đến đây thì không nở cự tuyệt. Nay đất Đông Phố nước Chân Lạp phì nhiêu nghìn dặm, triều đình chưa rồi mà kinh lý, chỉ bằng lấy sức của họ đến khai khẩn để ở, làm một việc mà lợi ba điều. Chúa (Nguyễn Phúc Tần) theo lời bàn, bèn sai đặt yến ủy lạo khen thưởng, trao cho quan chức đến ở đất Đông Phố.

Như vậy, vào năm 1679 người Trung Hoa đã có mặt ở đất Đà Nẵng bằng con đường di cư tự nạn chính trị. Những người di cư này có thể đi tất cả vào Đông Phố (nay là Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai) hoặc một bộ phận lựa chọn ở lại Đà Nẵng gây dựng cuộc sống mới.

Song song với quá trình hình thành cộng đồng người Hoa ở Đà Nẵng do di cư tự nạn chính trị, việc di cư bằng con đường thương mại diễn ra không mấy ồn ào nhưng khá hiệu quả. Sau khi chế độ cai trị của đế quốc phong kiến Nguyên - Mông ở Trung Quốc bị sụp đổ, triều đại mới là nhà Minh (1368 - 1644) lên thay, đặc biệt quan tâm mở rộng quan hệ ngoại giao và thương mại với nước Nam Dương. Một trong những biện pháp mở đường cho quan hệ trên phát triển là Trung Quốc thực hiện các cuộc thám hiểm với quy mô lớn xuống vùng biển phía Nam. Các cuộc

thám hiểm này đã mở đường cho các nhà buôn, dân di cư tự do của người Trung Hoa đến những vùng đất mới làm ăn sinh sống. Từ thời gian này, các nhà buôn Trung Hoa hầu như có mặt, hoặc thường xuyên đi lại ở những cửa biển chính của các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Sử sách đã ghi lại rằng các cảng biển của Việt Nam thời đó như cảng Vân Đồn và Vạn Ninh (Quảng Ninh), Cần Hải và Hội Thống (Nghệ An), Hội Triều (Thanh Hóa), Cửa Sốt (Hà Tĩnh) đã có tụ điểm buôn bán của người Trung Hoa.

Thời kì Trịnh - Nguyễn phân tranh đã xuất hiện những quần thể dân Trung Hoa di cư, sống tương đối ổn định và thường xuyên như ở Phố Hiến (ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ), Hội An (ở ven biển trung tâm của Duyên hải miền Trung). Vào thời điểm này, đây là hai trung tâm buôn bán sầm uất với đủ các loại thương phẩm khác nhau của thương nhân người Hoa và một số nước khác. Thương cảng Hội An nằm trên sông Thu Bồn, cách Đà Nẵng 26 km về phía Đông Nam trở thành một thương cảng lớn nhất của Việt Nam thế kỷ XVI - XVIII. Ngay từ đầu thế kỷ XVII, ở Hội An đã hình thành nên hai khu phố đặc trưng là phố của người Trung Hoa và phố của người Nhật Bản. Người Trung Hoa di cư ở đây tự nhận mình là người Minh Hương.

Hội An ngày càng phát triển, Lê Quý Đôn trong sách *Phủ biên tạp lục* hoàn thành năm 1776, đã viết về trung tâm thương nghiệp Hội An như sau: *Ở nơi đây (tức phố Hội An), vì các vị khách buôn Trung Quốc đều tới mua hàng đưa về Tàu, nên buổi trước hàng hóa rất nhiều, dầu có một trăm chiếc thuyền lớn chuyên chở*

hàng hóa trong một lúc không thể chở hết được”, “Các hàng hóa đều bán rất chạy, không có món hàng nào bị ế và ứ đọng cả. Bao nhiêu những hàng hóa mà y (nhà buôn Trung Hoa) đưa sang đây như sa, đoạn, gấm vóc ngũ sắc, vải tằm, trăm thứ thuốc bắc, giấy vàng, giấy bạc, dây vàng, dây bạc, các sắc dầu thơm, các hạng chỉ liệu (giấy), các sắc dây tơ, các màu thuốc nhuộm, các sắc quần, áo, giày, giép, nhung, lược, kính hay gương pha lê, giấy, bút, mực, kim, khay, cúc áo, bàn ghế, sa sao, đồ ăn uống thì có trâu lá, cam, lê, chanh, táo, bánh thị, bánh mì,

Thời Gia Long:

Xuất xứ tàu thuyền	Bề ngang tàu	Thuế phải trả
- Quảng Đông, Phúc Kiến, Ma Cao và các nước Châu Âu tới	Từ 14 đến 25 thước ta	128 quan/thước
	Từ 7 đến 13 thước ta	80 quan/thước
- Triều Châu	Từ 14 đến 25 thước ta	96 quan/thước
	Từ 7 đến 13 thước ta	64 quan/thước
- Hải Nam	Từ 14 đến 20 thước ta	96 quan/thước

(Nội các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, T4, 1993, tr.405)

Có thể thấy được rằng, phần lớn thuyền buôn qua lại buôn bán trên cảng Tourane là của người Trung Quốc, các thương nhân ở châu Âu đến với số lượng ít. Những thương nhân này chủ yếu đến từ Quảng Đông, Phúc Kiến, Ma Cao, Triều Châu, Hải Nam.

Đến thời vua Minh Mạng, Hội An đã nhường ngôi cho Đà Nẵng trong việc giao thương buôn bán với ngoại bang. Vua Minh Mạng vào năm 1835, có dụ Tàu Tây chỉ được đậu tại cửa Hàn, còn các cửa biển khác không được tới buôn bán, phép nước rất nghiêm chẳng nên trái... Từ nay về sau người Tàu phải đi tàu buôn nước Tàu mới cho vào cửa biển buôn bán; người Tây phải đi

miến, mì, nước mắm, dầu tràm, đậu tương, đậu hủ, vôi, men, rượu, gừng, mộc nhĩ, hương tìn (nấm hương)... kẻ có người không, cùng nhau đối chác, không ai là không thỏa được sở thích (Lê Quý Đôn, 1977).

Tuy nhiên từ thế kỷ thứ XVIII trở đi, Hội An bắt đầu sa sút. Sự quan tâm của thương nhân ngoại quốc đã chuyển từ Hội An sang cảng Tourane (cảng Đà Nẵng ngày này) ngày càng nhiều.

Căn cứ vào sách Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ của Nội các triều Nguyễn, thuế nhập cảng ở Tourane được tính như sau:

tàu buôn nước Tây vào Cửa Hàn thông thương không được ghé vào cửa biển khác. Có lỗi!” (Quốc sử quán triều Nguyễn, “Quốc triều chính biên toát yếu”, Huế, 1923, tr.205). Từ đó, dòng người đổ về Đà Nẵng lập nên nhiều khu buôn bán, gây dựng một cơ ngơi sầm uất của người Việt, người Hoa và khách ngoại bang.

Nơi hội tụ buôn bán sầm uất nhất lúc bấy giờ là phố Mỹ Thị, nằm trên đường giao thương giữa cảng Đà Nẵng và phố Hội An, về phía Tây giao thương lên tận nguồn Lũ Đông. Tại trung tâm Đà Nẵng, các hoạt động thương mại, dịch vụ đều xuất phát từ một làng buôn bán là Hải Châu, nơi có bến neo đậu của các thương thuyền

từ thời các chúa Nguyễn... Chợ Hải Châu (nằm trên địa bàn xã Hải Châu, sát bờ sông), tục gọi là Chợ Hàn, ra đời sớm ở Đà Nẵng, đến thế kỷ XIX phát triển mạnh. Đây là nơi tập trung các nguồn hàng ở tả mạn cảng Đà Nẵng. Chợ lớn đến mức có khu tạp hóa bán đủ thứ hóa vật, có khu dành riêng để bán gia súc và có hẳn một người đứng ra trông coi việc trao đổi mua bán của cả chợ (Lịch sử Đà Nẵng, 2010).

Những món hàng xuất và nhập rất thịnh hành trong nền thương mại Việt Nam bao gồm:

Xuất khẩu: quế, tiêu, cau, bông vải, tơ sợi, đường...

Nhập khẩu: vải lụa (người Trung Quốc đem bán xatanh, vải lụa nhuộm (Bắc Kinh) lụa hoa, giấy, trái cây khô, bình, lọ, đồ chơi trẻ em (bằng xương trâu, voi)...

Mỗi năm, chừng 300 thuyền lớn, nhỏ của người Hoa. Lúc chuyên chở từ 100 đến 600 tạ. Mỗi thuyền chịu thuế theo bệ ngang của nó... Qua 20 năm, chỉ thấy có một tàu Hà Lan từ Batavia (Djakarta) và 4 người Pháp đến từ cảng Bordeaux. Tất cả hoạt động thương mại đều do người Hoa thực hiện. Ngay như người Mã Lai, ở sát xứ ấy, cũng ít khi lai vãng các hải cảng Việt Nam. Họ thà mua đất của người Hoa những thuyền cá khô, morgantts, tôm khô chứ không muốn tự mình đi mua ở Nam Kỳ. Đó là nền thương mại, kỹ nghệ ở xứ này (Dẫn theo Nguyễn Văn Xuân toàn tập, tập 4, tr 453).

Cũng có thời điểm, người Anh nhòm ngó đến Đà Nẵng và nhận định rằng “Trước nội chiến (tức chiến tranh Trịnh - Nguyễn) rất nhiều thuyền bè của người Trung Hoa chở từ 40 đến 150 tạ vào ra luôn xứ Đà Nẵng. Họ

đến mua chủ yếu là cau và đường. Riêng món hàng sau đã tạo ra một chuyến hàng lớn tới 40.000 tạ. Hàng hóa được trả bằng tiền và một số hàng hóa Trung Quốc (thời đó chúng ta ăn tiền Trung Quốc)” (Nguyễn Văn Xuân toàn tập, tập 4, tr.429).

Người Hoa buôn bán quanh khu vực chợ Hàn, địa bàn xã Hải Châu suốt từ thời Nguyễn đến thời Pháp thuộc. Những mặt hàng kinh doanh ở đây chủ yếu là nhu yếu phẩm: tơ lụa, đường, muối, thuốc Bắc, hàng ăn, dầu, mắm, giấy, dép... Dọc các con phố thuộc quận Hải Châu ngày nay, các cửa hàng làm sắt, thép, các đồ mỹ nghệ, sản phẩm từ kim loại... vẫn còn dấu tích của các thương nhân người Hoa xưa.

Sang thời kỳ Pháp thuộc, người Hoa tại Đà Nẵng có cơ hội buôn bán và phân chia thị trường thương mại trên toàn vùng Trung bộ của Việt Nam. “So sánh Hội An và Đà Nẵng, viên sỹ quan này (A.J. Gouin, hải quân đại úy, một trong những công sứ đầu tiên của tỉnh Quảng Nam) nhận xét “Khi tàu thủy chạy hơi nước trở nên phổ biến, Hội An xuống dốc và nhường sự quan hệ lại cho Đà Nẵng. Từ nay, các nhà buôn người Hoa đều chủ trương có hai cửa tiệm ở hai thành phố ấy; thậm chí một số người rời bỏ hẳn Hội An để đến thành phố tương lai mà lập nghiệp” (bulletin de la société de géographie XII, 1891).

Một cuộc cạnh tranh thương mại gay gắt và không kém phần khốc liệt diễn ra giữa người Hoa và người Pháp trên đất cảng. Họ chỉ chờ cơ hội để triệt hạ nhau, miễn sao đem lại lợi nhuận lớn nhất. Tuy nhiên, mọi sự ứng xử khéo léo đều được người Hoa kín đáo thực hiện nhằm không

bị lép vế trước sức ảnh hưởng của người Pháp trên một thị trường màu mỡ của cảng Tourane. Các hãng của người Pháp và người Hoa mọc lên lẹ lắm. Chẳng hạn, vào tài khóa 1903, cơ sở Triệu Hưng và công ty đã có các môn bài về sở buôn, về thụ thác tàu Progres; cũng cơ sở người Hoa ấy thụ thác các xà lúp “Wing-yuen và Hoi-how”. Như thế, đối với thửa ấy là một kinh doanh tư bản khá lớn. Phân cục Ngân hàng Đông Dương, các hãng buôn khác của người Pháp mỗi ngày một phát triển: L’ucia, Optory, Descours – Cabaund, Denis-frère, Morin frères... Các hãng Hoa và Pháp cũng tranh nhau quyền lợi, hắt cẳng nhau. Chẳng hạn Quảng Hòa Mỹ có ba bốn xà lan thường vẫn đưa xà lan ra Tiên Sa kéo hàng vào Đà Nẵng; La Cric mọc lên có cả chục xà lan, như thế là làm cho hãng người Hoa phải lao đao (Dẫn theo Nguyễn Văn Xuân toàn tập, tập 4, tr.530).

Cộng đồng người Hoa trải qua biến cố chính trị lịch sử năm 1978 - 1979 đã có biến động lớn về dân cư và hình thức kinh doanh thương mại. Một số lượng lớn người Hoa đã di chuyển đến các nước phát triển như Anh, Pháp, Mỹ, Astraylia, Canada... định cư lâu dài và ổn định tại đây. Một số lượng lớn người Hoa di cư vào Sài Gòn với sự thu hút mạnh mẽ của một đô thị mới nổi. Tuy nhiên, từ Sài Gòn, họ vẫn tiếp tục di chuyển đến các nước khác; rất ít gia đình quyết định quay trở lại Trung Quốc để sinh sống. Một đất nước thứ 3 luôn là sự lựa chọn của cộng đồng dân cư có văn hóa đặc thù và phát triển thương mại, dịch vụ mạnh mẽ như người Hoa.

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng có hơn 1000 hộ, riêng quận Hải Châu có 817 hộ người Hoa

với 2.977 nhân khẩu sinh sống tập trung tại các phường Hải Châu 1, Bình Hiên, Hòa Thuận Đông (Báo cáo của UBND quận Hải Châu, 2019)... Hoạt động sinh kế của họ chủ yếu là kinh doanh các lĩnh vực du lịch, ẩm thực, dịch vụ du lịch, sản xuất, thương mại. Người Hoa có thế mạnh trong việc sản xuất nhỏ lẻ và ẩm thực truyền thống tại các cửa hàng trong những con phố của quận Hải Châu. Họ vẫn giữ những mối quan hệ rất thân thiết với cộng đồng dân cư ở các nước phát triển. Hằng năm, lượng kiều hối từ người Hoa gửi về cho họ hàng ở Đà Nẵng là khá lớn nhưng việc thống kê chi tiết rất khó khăn. Có nhiều hình thức đầu tư bất động sản, dịch vụ du lịch, ẩm thực tại Đà Nẵng; chỉ dựa vào chữ “Tín” họ có thể dễ dàng cho nhau vay, mượn tiền hoặc cơ sở sản xuất để phát triển kinh tế trong cộng đồng.

Các nhóm phương ngữ hiện nay ở Đà Nẵng đa dạng, hội tụ đủ 05 nhóm, bao gồm: Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam, Hẹ. Các nhóm phương ngữ này có Hội quán riêng, ngày vía Quan Âm riêng; trong gia đình, dòng họ vẫn lưu giữ bản sắc riêng biệt mỗi tộc người. Điều đó cho thấy sự bảo lưu văn hóa của các tộc người này rất hiệu quả. Từ khi đặt chân đến Đà Nẵng, mỗi nhóm phương ngữ đều đã định hình nét văn hóa và phương thức sinh hoạt, kinh doanh đặc thù. Cho đến nay, dấu ấn văn hóa của từng nhóm phương ngữ vẫn không hề phai nhạt.

4. Kết luận

Người Hoa đến Đà Nẵng từ nhiều đợt di cư khác nhau trong lịch sử. Khoảng năm 1679, Đà Nẵng ghi nhận sự có mặt của người Hoa từ nhiều

con đường khác nhau: tị nạn chính trị, thương mại, trốn tránh bệnh dịch... Sau khi Hội An nhường chỗ cho sự phát triển của Đà Nẵng thì người Hoa cũng dần dần tập trung sinh sống và kinh doanh thương mại tại đây. Họ cùng với người Pháp đã phát triển thương mại ở vùng cảng này trong nhiều thập kỷ, tạo nên dấu ấn sâu sắc của văn hóa Hoa thương trên đất cảng Tourane.

Hiện nay người Hoa ở Đà Nẵng sinh sống tập trung ở những quận nội thành trung tâm, đặc biệt

chủ yếu ở Hải Châu và Thanh Khê. Những ngành nghề chủ yếu của họ là kinh doanh nhà hàng, khách sạn, các dịch vụ ăn uống, làm đẹp, vui chơi, buôn bán nhỏ và không còn gắn bó mật thiết với bến cảng Đà Nẵng như thời gian đầu mới định cư. So với giai đoạn Pháp thuộc, cách thức và loại hình kinh doanh của người Hoa đã thay đổi để thích ứng với chính quyền địa phương. Cộng đồng người Hoa vẫn tổ chức khép kín và lưu giữ mạnh mẽ văn hóa truyền thống của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Mạc Đường (1991), "Người Hoa ở Đồng bằng sông Cửu Long" trong *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Mạc Đường (1994), *Xã hội người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh sau năm 1975 – tiềm năng và sự phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Khánh (2002), *Người Hoa trong xã hội Việt Nam (Thời Pháp thuộc và dưới chế độ Sài Gòn)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, T4, Nxb Thuận Hoá, Huế.
6. Ngô Văn Minh (2007), *Lịch sử Đà Nẵng 1858-1945*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
7. Đào Trinh Nhất (1916), *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ*, Nxb Hội nhà văn.
8. Châu Thị Hải (1992), *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Minh Hùng (2008), *Lịch sử Đà Nẵng*, Nxb Đà Nẵng.
10. Hoàng Khê (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (1923), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Huế.
12. Nguyễn Văn Xuân toàn tập (2020), Tập 3, *Khảo cứu*, Nhà xuất bản Hội nhà văn, Quảng Nam.
13. Nguyễn Văn Xuân toàn tập (2020), Tập 4, *Nghiên cứu, lược sử*, Nhà xuất bản Hội nhà văn, Quảng Nam.
14. Lưu Đình Tuân, Hiệu Constant, Lê Đình Chi, Hoàng Long, Vũ Thúc (Dịch giả) (1918), *Xứ Đông Dương*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
15. Nguyễn Thu Trang (2013), *Văn hóa gia đình người Hoa ở thành phố Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sỹ chuyên ngành Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. UBND Quận Hải Châu (2019), *Tình hình kinh tế - xã hội của người Hoa trên địa bàn quận Hải Châu*.
17. Viện Sử học (dịch, hiệu đính và biên tập) (2007), *Đại Nam thực lục (Tiền biên)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Thu Trang - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
Địa chỉ: 459 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Email: nttrang@ued.udn.vn; Điện thoại: 0936177690

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 15/8/2022
Biên tập: 11/2022